

Phẩm 6: TRỤ CỦA ĐỊA RỐT RÁO

Bồ-tát có bốn thứ thanh tịnh: Một là thân tịnh. Hai là duyên tịnh. Ba là tâm tịnh. Bốn là trí tịnh. Vĩnh viễn đoạn trừ tập khí được pháp khí thanh tịnh, thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng, thân được tự tại, sinh diệt tùy ý. Đây gọi là thân tịnh. Thân thông tự tại gọi là duyên tịnh. Tu tập pháp thiện, tâm lìa phiền não gọi là tâm tịnh. Biết tất cả các pháp không có trở ngại, được trí tự tại, biết tất cả các pháp hành. Đây gọi là trí tịnh. Bồ-tát do bốn pháp thanh tịnh này mà được mười lực: Một là trí lực biết chỗ hợp lý và không. Hai là trí lực biết nghiệp báo. Ba là trí lực biết các thiền định giải thoát. Bốn là trí lực biết các căn chúng sinh lợi hoặc độn. Năm là trí lực biết mọi hiểu biết của chúng sinh. Sáu là trí lực biết cảnh giới của chúng sinh. Bảy là trí lực biết các đạo, người tu hành đạt đến. Tám là trí lực biết đời quá khứ. Chín là trí lực biết vận dụng thiên nhân nhìn thấy sinh tử và nghiệp thiện ác của chúng sinh. Mười là trí lực dứt hết các lậu. Lời nói của Như Lai là chân thật không hai, nên gọi là Đa đà a già độ (Như Lai). Nếu nói về quả thiện và quả bất thiện, nhân duyên chân thật, thể chân thật, tánh chân thật, trụ chân thật, sinh chân thật, đây là chỗ có đạo lý (Thị xứ). Quả thiện và bất thiện, chẳng phải nhân làm nhân. Đây gọi là chỗ không đạo lý (Phi xứ). Trí phá trừ kiêu mạn gọi là trí chân thật, gọi là nhất thiết trí, gọi là trí vô ngại, gọi là trí tịnh, gọi là trí lìa mạn. Tính theo thứ lớp nên gọi là đệ nhất lực. Không gì hơn nên gọi là hạnh nhất thiết. Tạo lợi ích cho chúng sinh phá trừ các ma nên gọi là lực. Chân thật trang nghiêm được tự tại nên gọi là đầy đủ. Có thể phá trừ tất cả sự sợ hãi nên gọi là Niết-bàn. Nhân nơi tám chánh đạo, nhân phá các khổ nên gọi là vô thượng. Như pháp mà trụ nên gọi là chân thật. Tự mình được pháp thanh tịnh, thương xót chúng sinh diễn nói giáo pháp, nên gọi là Phạm luân. Phạm luân gọi là Như Lai. Như Lai gọi là trong mát, gọi là giới. Thọ trì tịnh giới, như giới mà thuyết. Đây gọi là thanh tịnh. Thuyết đúng, thuyết thật, vì lợi ích mà thuyết, thuyết rộng lớn, thuyết vô ngại, thuyết hết thảy, thuyết rốt ráo, thuyết vô thượng, thuyết vô lậu, thuyết vô vi, thuyết ngoại, thuyết hiện tiền. Đây gọi là tiếng gầm của đại sư tử. Thuyết phương tiện thiện, thuyết nhân chân thật, do nhân duyên chân thật nên được quả chân thật, đó là quả báo ở cõi trời người và vô thượng. Do quả báo vô thượng nên gọi là vô thượng. Nếu tạo nghiệp rồi tăng trưởng được quả, gọi là quá khứ. Có tạo nghiệp rồi chưa thọ quả báo cũng gọi là quá khứ. Chưa tạo tác nghiệp muốn tạo tác, chưa được quả báo muốn được. Đây gọi là vị

lai. Đã tạo nghiệp rồi, chưa được quả báo, nghiệp thọ rồi diệt quá khứ, đây gọi là hiện tại. Nghiệp quá khứ, hiện tại, vị lai có ba thứ: Nghĩa là quả của thân, khẩu ý. Chỗ nào tạo tác nghiệp thiện của thân, khẩu ý thì nơi ấy đắc quả. Chỗ nào tạo tác nghiệp ác của thân, khẩu ý thì xứ ấy đắc quả. Đây gọi là thị xứ. Nghiệp của thuần thiện không có quả ác. Đây gọi là phi xứ. Nghiệp ác bất thiện, không có quả thiện. Đây gọi là phi xứ. Nghiệp ở cõi người, không thọ quả báo ở địa ngục. Đây gọi là phi xứ. Nghiệp ở địa ngục không thọ quả báo ở cõi người. Đây gọi là phi xứ. Chỉ trừ có thể tu giới tâm, tuệ nơi thân khiến quả báo của địa ngục ở trong cõi người được thọ nhẹ. Do tương tự nên gọi là quả báo địa ngục. Trong cõi người thọ quả báo nhẹ nên gọi là quả báo của cõi người. Đây gọi là thị xứ phi xứ. Bốn thiền, tám giải thoát, các pháp như vậy tự tại tu đắc. Do tự tại nên Như Lai thường ở nơi Tam-muội thuyết pháp.

Phạm thiên vương chỉ nghe âm thanh không thấy hình tướng. Như vậy, các thiền định giải thoát có hai thứ phiền não: Một là chưa được mà lo rầu muốn được. Hai là đã được rồi mà lo rầu thoái mất. Như Lai đã đoạn được hai thứ phiền não này, nên được đại tự tại. Biết tất cả tâm tướng của các chúng sinh, tuy hiểu rõ mà tâm không tham đắm, không sinh mừng vui. Tu tập đầy đủ, muốn đắc liền đắc, đắc rồi không thối thất, cho nên gọi là lực của thiền định giải thoát thứ ba. Biết tín, tấn, niệm, định, tuệ có bậc thượng, trung, hạ. Từ nghe mà sinh, từ chánh tư duy mà sinh. Đây gọi là lực căn. Biết thượng, trung, hạ dục, đây gọi là lực hiểu. Biết các thứ tánh, tánh Thanh văn, tánh Duyên giác, tánh Như Lai, tánh chúng sinh tham, cho đến tám vạn bốn ngàn tánh phiền não. Đây gọi là lực thứ năm. Biết nhân nơi phiền não có được các thân nơi thế giới. Đây gọi là lực thứ sáu. Biết mỗi phiền não đều có cách để đối trị, biết tất cả hữu cũng đều có đối trị, biết phá trừ tất cả kiến ác tà. Đây gọi là lực của chỗ đạt đạo. Hiểu rõ bốn phương với vô số các loại chúng sinh, các thứ danh tự. Chúng sinh quá khứ nghĩ nhớ tám việc: Một là danh. Hai là sinh. Ba là tánh. Bốn là thức ăn. Năm là thọ khổ vui. Sáu là thọ mạng. Bảy là trụ. Tám là mạng chung. Lại nghĩ nhớ sáu việc: Một là danh tự. Hai là chủng tộc như Sát lợi... Ba là cha mẹ thân tộc. Bốn là thức ăn. Năm là giàu nghèo. Sáu là sống lâu hoặc chết sớm. Đây gọi là lực thứ tám. Cõi trời thực hành gọi là bốn thiền, do đắc quả bốn thiền nên gọi là thiên nhân. Đầy đủ quả thuần thiện nên gọi là thanh tịnh. Mắt thấy không đồng nên gọi là vượt quá thiên nhân. Cũng có thiên nhân dục giới, tuy tên đồng, nhưng do bất tịnh nên không gọi là thiên nhân. Người có thiên nhân nhận biết thấy chúng sinh đọa, người đọa gọi là trời, lại

có người đọa gọi là người chết. Sinh thì gọi là trung ấm. Trung ấm có hai thứ: Một là thiện. Hai là bất thiện. Trung ấm bất thiện màu sắc như áo lông đen, vào lúc đêm tối chỉ có mắt thanh tịnh mới thấy. Thiên nhãn thanh tịnh thấy sắc trung ấm cũng lại như vậy. Trung ấm thiện màu sắc như áo mới xứ Ba-la-nại, vào lúc trắng sáng mắt thanh tịnh mới thấy. Thiên nhãn thanh tịnh thấy sắc trung ấm cũng lại như vậy. Sắc đen gọi là chúng sinh hạng thấp, do nhân duyên tạo nghiệp thân, khẩu, ý ác nên gọi là hạ hành, do nhân duyên tạo nghiệp thân, khẩu, ý thiện nên gọi là hạng cao. Nghiệp ác gọi là tà kiến. Tà kiến có hai loại: Một là có thể chuyển. Hai là không thể chuyển. Phỉ báng nhân quả, nói không có Thánh nhân, gọi là không thể chuyển. Không phải nhân thấy nhân, không phải quả thấy quả, gọi là có thể chuyển. Cho nên nghiệp ác gọi là tà kiến, nghiệp thiện gọi là chánh kiến. Không phỉ báng bốn đế, tin nghiệp thiện ác, quả báo chân thật, cho nên nghiệp thiện gọi là chánh kiến. Do nhân duyên nghiệp ác nên chết đọa vào địa ngục, thọ quả báo không vui, nên gọi là địa ngục. Phóng dật tạo nghiệp ác, ắt dẫn đến địa ngục. Thấy rõ nhân quả nên gọi là thiên nhãn. Do nhân duyên nghiệp thiện nên không vào đường ác, thọ quả báo vui, thọ thân trời người. Do chánh kiến nên được sinh cõi thiện, sinh về cõi thiện gọi là trời, người, thấy được rõ ràng nên gọi là thiên nhãn.

Thế nào là cõi thiện? Do nhân duyên thiện mà được quả thiện. Đây gọi là cõi thiện. Trên đây gọi là lực thứ chín. Do nhân duyên tu giới tâm tuệ nơi thân, đoạn tất cả lậu, vì đoạn trừ lậu nên được thân giới tâm tuệ vô lậu. Thân giới tâm tuệ vô lậu có hai thứ: Kiến đạo và tu đạo. Do hai thứ này nên tâm được giải thoát, tuệ được giải thoát. Tâm và tuệ được giải thoát nên có thể thị hiện thân thông, giáo hóa chúng sinh. Đây gọi là lực thứ mười. Bồ-tát có mười lực tức: Biết tánh, biết phân biệt, biết tự tướng, cộng tướng, bất cộng tướng, biết bình đẳng, biết nghiệp, biết thứ lớp, biết thắng và chẳng thắng. Bồ-tát có thể biết bảy việc như vậy. Biết tánh tức là tánh của mười lực là tánh của năm căn, do tuệ nhiều nên gọi là tánh trí, cho nên nói trí xứ phi xứ, không nói tín xứ phi xứ, cho đến dứt hết lậu cũng lại như vậy.

Phân biệt gồm có ba thứ: Một là phân biệt thời. Hai là phân biệt hành. Ba là phân biệt tự tướng, cộng tướng. Mười lực có thể biết tất cả thời, đó là quá khứ, hiện tại, vị lai. Đây gọi là phân biệt thời. Mười lực có thể biết tất cả cách đối trị vô lượng phiền não trong mười phương thế giới. Đây gọi là phân biệt hạnh. Mười lực có thể biết tất cả sắc tướng. Đây gọi là tự tướng. Biết sắc là vô thường, cho đến tất cả pháp là vô

thường. Đấy gọi là cộng tướng. Đấy gọi là phân biệt tự tướng cộng tướng.

Bất cộng nghĩa là mười lực không cùng chung với tất cả hàng Thanh văn Duyên giác. Chư Phật ở mười phương đồng được mười lực. Đấy gọi là bình đẳng. Biết nghiệp tức là lực của xứ và phi xứ. Nhân thật biết nhân, quả thật biết quả, tức là lực thứ hai. Như Lai biết rõ quả báo nơi nghiệp của mình, cũng biết nghiệp quả của chúng sinh. Nhân nơi lực thiên định giải thoát nên Như Lai được ba thứ thị hiện có thể điều phục chúng sinh. Nhân biết căn lực nên hiểu biết căn tánh thượng, trung, hạ, của chúng sinh, vì biết căn nên tùy căn mà thuyết pháp. Nhân hiểu rõ lực nên Như Lai hiểu biết tánh thiện tánh ác của tất cả chúng sinh, vì trừ tánh ác nên dạy cho tánh thiện. Nhân biết lực thế giới lực nên Như Lai thường thực hành pháp thế gian, nhưng không bị pháp thế gian làm nhiễm ô. Do biết thế giới nên biết cảnh giới của chúng sinh, do biết giới chúng sinh nên tùy căn, tùy tâm, tùy phiền não mà thuyết pháp.

Thế nào là Như Lai ban đầu dạy chúng sinh khiến nhập pháp Phật? Nếu Như Lai ban đầu dạy Thanh văn, Bồ-tát nhập pháp Phật thì nói lời: Nầy thiện nam! Ông nên tu tập, ưa thích vắng lặng, ở một mình chỗ yên tĩnh. Lúc mới sinh ông, cha mẹ vì ông mà đặt tên gọi, cho đến chư Phật, Hòa thượng đặt cho tên gọi, phải chí tâm quán xét. Như tên nầy của mình là do cha mẹ, Hòa thượng đặt ra. Đối với sáu nhập trong ngoài có hay không có? Thiện nam! Nếu lìa sáu nhập trong ngoài mà không thấy có, lúc nầy ông sẽ được trí chân thật. Biết tên gọi ấy là hư giả không thật, pháp cũng không thật, tên cũng không thật, tên và pháp đã không thật thì sao đối với điều ấy sinh khởi kiêu mạn. Thiện nam! Vào lúc nầy, ông nên quán sát mắt và tên gọi của mắt. Mắt có hai thứ: Một là tên gọi. Hai là lưu hành khắp. Tên của mắt chẳng phải mắt, tướng của mắt chẳng phải mắt, nếu có một vật gọi là mắt thì vật nầy cũng không có. Nếu thật có mắt thì tên cũng nên thật có. Nếu là chân thật thì lúc chúng sinh sinh ra sự hiểu biết không cần dạy bảo, vật chưa thấy không cần dạy mà có thể biết. Do nghĩa nầy nên biết tên cũng không thật, vật cũng không thật. Nhãn thức cũng như vậy. Lúc quán sát như thế thì đoạn trừ được tham đắm nơi các nhập trong ngoài. Do đoạn trừ tham trong ngoài nên đoạn tướng của tất cả các pháp. Do đoạn trừ tướng của tất cả các pháp nên biết chân thật tánh của tất cả pháp. Tánh của tất cả pháp nghĩa là không chân thật, không có tướng mạo.

Nầy thiện nam! Lúc quán sát như vậy, nếu muốn được nhất thiết trí, muốn được đại từ đại bi, muốn được sơ thiền cho đến phi tưởng phi

phi tưởng, muốn được hạnh tánh cho đến hạnh Như Lai, muốn được địa Bồ-tát với sáu thông cho đến đạo quả Bồ-đề vô thượng, tất cả đều có thể đạt được. Đây gọi là lực thứ sáu. Nhân nơi trí lực đến xứ đạo mà biết đạo chân thật, đạo không chân thật, phá tan đạo không chân thật, chỉ bày đạo chân thật. Nhân nơi trí lực biết đời quá khứ nên biết thọ các khổ, biết mình không ưa sinh tử, cũng dạy chúng sinh không ưa sinh tử, phá trừ thường kiến. Nhân nơi trí lực vận dụng thiên nhãn mà thọ ký cho người, dứt trừ đoạn kiến. Nhân nơi trí lực lậu tận mà Như Lai tự biết mình được giải thoát, có thể phá trừ kiến chấp của chúng sinh, thấy chẳng phải là Như Lai mà cho là Như Lai thật, thấy chẳng phải Sa-môn mà nói thật là Sa-môn, chẳng phải người phạm hạnh mà nói là thật phạm hạnh. Lúc Như Lai chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, được mười lực ấy thì cùng lúc mà chứng đắc.

Tại sao nói có thứ lớp? Lúc Như Lai chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, ban đầu quán xét nhân quả nên ban đầu gọi là lực xứ phi xứ. Như vậy, nhân quả ai làm, ai thọ. Đây gọi là nghiệp lực. Do phá trừ nghiệp nên tu tập thiền định. Vì biết chúng sinh ai có thể tu tập, ai không thể tu tập nên quán xét các căn. Căn cơ có ba hạng thượng, trung, hạ. Đây gọi là tánh chúng sinh, là lực thứ năm. Do biết tánh nên biết tâm tịnh và bất tịnh. Đây gọi là thế giới. Muốn biết nhân duyên tâm tịnh và bất tịnh nên biết đến xứ đạo. Đạo như vậy là đoạn trừ thường kiến và đoạn kiến. Đây gọi là lực túc mạng, lực thiên nhãn. Do đoạn trừ thường kiến và đoạn kiến nên các lậu vĩnh viễn hết sạch. Đây gọi là lực lậu tận, là thứ lớp.

Lại có thứ lớp: Lúc Như Lai chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, trước hết quán xét thị xứ phi xứ, thứ đến quán xét nghiệp thế gian. Do phá bỏ nghiệp thế gian nên quán xét thiền định giải thoát, và quán xét chúng sinh có thể tu đạo hoặc không thể. Thứ đến dùng thiên nhãn thấy căn tánh lợi hoặc độn của các chúng sinh, là nhằm muốn nhận biết. Ngoài ra như trước đã nói.

Lại có thứ lớp: Lúc Như Lai chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, quán xét về thị xứ phi xứ của mười hai nhân duyên. Mười hai nhân duyên do đâu mà có, cho nên quán xét nghiệp. Các nghiệp của chúng sinh hoặc có thọ báo hoặc không thọ báo. Dùng thiên nhãn quán xét những gì? Vì chúng sinh cho nên quán xét pháp giới. Đây gọi là giải. Pháp giới và thế giới không có sai khác. Muốn biết người khó điều phục và dễ điều phục, nên biết về thọ mạng đời trước. Vì biết người thọ nhận lời dạy hoặc không thọ nhận, nên biết căn tánh lợi và độn, biết rồi nên

thuyết giảng tám chánh đạo, gọi là “đến xứ đạo”. Do lực đạo nên đoạn trừ được các phiền não. Đây gọi là lực lậu tận.

Lực thị xứ phi xứ và lực nghiệp có gì sai khác? Nghiệp thiện, nghiệp ác biết rõ quả thiện cho đến quả ác. Đây gọi là lực thị xứ phi xứ. Tạo tác nhất định có thọ nhận, không làm thì không thọ nhận. Đây gọi là biết lực nghiệp. Vì muốn điều phục nghiệp bất thiện cho nên tu tập thiền định. Điều phục có hai thứ: Một là tín. Hai là bất tín. Cho nên quán xét căn tín tâm có hai loại: Một là tin Tam bảo. Hai là tin trời Ma-hê-thủ-la. Đây gọi là giải thoát, có ba hạng thượng, trung, hạ, nên gọi là lực thế giới. Biết thế giới rồi thuyết về đạo thế gian, đạo Thanh văn, đạo Duyên giác, đạo Bồ-tát, đạo Phật. Đây gọi là trí lực biết “đến xứ đạo”. Quán xét nhân thiện, nhân ác, nghiệp nặng, nghiệp nhẹ của chúng sinh. Đây gọi là trí lực tức mạng. Nhân biết như vậy nên đoạn trừ thường kiến đoạn kiến. Đây gọi là thiên nhãn. Do thấy chân thật nên các lậu vĩnh viễn đoạn hết. Đây gọi là lực lậu tận. Tánh của mười lực đều là tánh trí không có sai khác, do duyên nơi cảnh giới nên nói có sai khác. Bốn vô sở úy như thường nói. Như Lai vì chúng sinh nên nói bốn việc: Một là giải thoát nơi pháp bất cộng của Thanh văn. Hai là Thanh văn cộng giải thoát. Ba là giải thoát chúng sinh khổ. Bốn là vì chúng sinh nên đoạn khổ đạt giải thoát, thuyết giảng pháp đối trị.

Thanh văn bất cộng: Nghĩa là chỗ hiểu biết của ngã. Nếu nói có pháp mà ông không biết: Ta cũng không thấy Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc người, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm thiên, như pháp mà nói là không biết không thấy. Do không thấy, nên không sinh xấu hổ, sợ sệt, nói lậu của ta đã hết, hoặc nói không hết. Không thấy Sa-môn cho đến ma, phạm, như thật mà nói, lậu của ông chưa hết, do không thấy nên không sinh xấu hổ, sợ sệt, nói ta đã đắc đạo. Nếu nói đạo này chẳng phải rất ráo: Ta cũng không thấy có các Sa-môn cho đến ma phạm, như thật mà nói, ông chưa đắc đạo, chẳng phải là rất ráo. Do không thấy nên không sinh xấu hổ, sợ sệt, ta nói là chướng ngại đạo. Nếu nói không chướng, ta cũng không thấy có các Sa-môn cho đến ma phạm, như thật mà nói, thuyết chướng chẳng phải chướng. Do không thấy nên không sinh xấu hổ, sợ sệt. Phật thuyết giảng đạo là vì các Bồ-tát và các Thanh văn. Sau khi Phật Niết-bàn, lúc kết tập kinh tạng, trong tạng Thanh văn đã loại trừ tên Bồ-tát, trong tạng Bồ-tát để tên Bồ-tát. Cho nên kinh Phương Đẳng gọi là tạng Bồ-tát. Thanh văn bất cộng nghĩa là ba niêm xứ của Như Lai. Như Lai thuyết pháp, chí tâm nghe nhận, tâm được hoan hỷ, thọ các an lạc, như pháp mà trụ. Không trái với giáo pháp

Phật Phật cũng không vui, tu tập tâm xả không mất chánh niệm, cũng không phóng dật. Như Lai thuyết pháp, có người không tin nhận, trái lời Phật dạy, Phật cũng không sân, không có sầu não. Tu tập tâm xả không mất chánh niệm, cũng không phóng dật, Như Lai thuyết pháp, hoặc có người nghe, hoặc có kẻ không nghe. Có người nghe cũng không vui, không nghe cũng không sầu, vẫn tu tập tâm xả, không mất chánh niệm, cũng không phóng dật. Trên đây gọi là ba niệm xứ.

Lại có điều không cùng chung với Thanh văn, đó là ba thứ bất hộ. Như Lai không hộ mạng thân khẩu. Có A-la-hán nghiệp vô ký, nghĩa là tâm mất niệm. Nghiệp vô ký gọi là Đột-kiết-la (Ác tác). Như Lai đã đoạn tất cả nghiệp vô ký. Vì sao? Do thường tu chánh niệm. Cho nên Như Lai tùy tâm mà thuyết giảng nói lời quả trách quyền thuộc. Đó là xua trừ lời nói thô, tâm không sợ khó. Vì sao? Do mạng thân khẩu thanh tịnh.

Lại có điều không cùng chung với Thanh văn. Đó là đại bi, như trước đã nói. Như Lai làm việc gì, làm chỗ nào, do nhân duyên gì làm, làm thế nào, làm lúc nào? Các việc như vậy đều có thể biết như thật. Đây gọi là tâm niệm. Như Lai biết rõ về việc gì, đó là tất cả hạnh. Làm chỗ nào, đó là tất cả thế giới. Do nhân duyên gì làm, đó là điều phục chúng sinh. Làm thế nào, đó là phương tiện thiện. Làm vào lúc nào, đó là tất cả thời. Cho nên Như Lai thường tu tâm chánh niệm. Đức Như Lai Thế Tôn hoặc động, hoặc tĩnh, hoặc nói, hoặc làm, hoặc đi, hoặc đứng, trong tất cả thời đều không có tập khí phiền não, cho nên nói Như Lai vĩnh viễn đoạn trừ tập khí phiền não. A-la-hán thì không như vậy, cho nên Như Lai không cùng chung với Thanh văn.

Như Lai hiểu biết rõ về ba thứ pháp tụ: Một là tụ của nghĩa được lợi ích. Hai là tụ của nghĩa chẳng lợi ích. Ba là tụ của nghĩa chẳng lợi ích chẳng phải không lợi ích. Như Lai biết rõ ba tụ như vậy, cho nên nói Như Lai đắc Nhất thiết trí. Như vậy một trăm bốn mươi pháp bất cộng không cùng chung với hàng Thanh văn, Duyên giác, cho nên gọi là Thanh văn bất cộng.

Bồ-tát lúc thực hành có được ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, nhưng không tịnh minh (thanh tịnh, sáng suốt), khi ngồi nơi gốc cây không có thầy mà tự tu tập ba mươi bảy phẩm mới được tịnh minh. Học địa Bồ-tát, được Tam-muội kim cang rồi, niệm thứ hai tiếp theo chứng đắc mười lực, tất cả pháp Phật, cho đến tất cả trí tịnh. Do chứng đắc như thế nên gọi là Nhất thiết trí, trí vô ngại, trí vô chướng, trí tịnh, trí tịch tĩnh, trí thanh tịnh, trí đầy đủ. Đây gọi là địa rốt ráo. Vượt qua tất

cả hạnh Bồ-tát, địa Bồ-tát, vào địa Như Lai, hạnh Như Lai được thân vô thượng, chuyển thân Bồ-tát, vĩnh viễn đoạn trừ tập khí, trụ nơi địa rốt ráo. Bồ-tát Ma-ha-tát thấy pháp Phật như thấy gạo trong lúa, Như Lai Thế Tôn đều không như vậy, nên gọi là tịnh. Bồ-tát trụ nơi địa rốt ráo thấy pháp Phật như ở xa nhìn sắc, chư Phật thấy pháp như ở gần nhìn sắc. Bồ-tát nơi địa rốt ráo thấy pháp Phật như ở nơi tối nhìn sắc, chư Phật thấy pháp như ban ngày nhìn sắc. Bồ-tát rốt ráo như chưa ra khỏi thai, chư Phật Thế Tôn như đã ra khỏi thai. Bồ-tát rốt ráo như chỗ thấy trong mộng, chư Phật Thế Tôn như tỉnh thấy vật. Bồ-tát rốt ráo như đèn không sáng, chư Phật Thế Tôn như đèn sáng rực.

Bồ-tát chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng rồi, có thể ở nơi tất cả chư Phật, Thế Tôn mà làm Phật sự. Làm Phật sự gồm có chín việc, mỗi việc đều tạo lợi ích lớn cho vô lượng chúng sinh. Một là tự mình làm việc của bậc đại tướng phu, có thể khiến chúng sinh tin nơi việc tướng phu. Hai là dùng ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm nơi thân tướng, vì lợi ích cho chúng sinh mà phá trừ lưới nghi. Ba là Như Lai đầy đủ mười lực, do đầy đủ mười lực nên có thể đem lại lợi ích cho chúng sinh. Nếu có người hỏi thế nào là lực, thì có thể khéo giải thích, phá trừ tâm nghi, điều phục chúng sinh, dứt bỏ tà kiến. Bốn là Như Lai đầy đủ bốn vô sở úy, đó là tin Tam bảo, điều phục chúng sinh, phá tà kiến là tiếng gầm của đại sư tử. Năm là Như Lai đầy đủ ba niệm xứ, như thuyết mà làm, như việc làm mà thuyết, phá các phiền não, có thể nuôi dưỡng đồ chúng, có thể giáo hóa chúng sinh. Sáu là Như Lai đầy đủ ba pháp Bất hộ, vì tạo lợi ích cho chúng sinh, vì nhằm điều phục chúng sinh, đêm ngày thường dùng Phật nhãn quán sát chúng sinh. Bảy là Như Lai đầy đủ đại bi, vì đầy đủ nhẫn nhục Ba-la-mật, vì khiến chúng sinh lìa các khổ não, ban cho chúng sinh sự an lạc. Tám là Như Lai đầy đủ không có sai lầm, không mất chánh niệm, cho nên không có thầy, vẫn như pháp mà trụ, như pháp mà hành, làm lợi ích cho chúng sinh khiến họ được điều phục, phá trừ các thứ phóng dật của chúng sinh. Chín là Như Lai vĩnh viễn đoạn hết tập khí phiền não, biết nghĩa pháp, phi nghĩa pháp, phi nghĩa phi phi nghĩa pháp. Vì thế Như Lai thuyết giảng về nghĩa pháp, lìa phi nghĩa pháp và phi nghĩa phi phi nghĩa pháp, tức Như Lai đầy đủ một trăm bốn mươi pháp bất cộng. Chín việc như vậy tức có thể làm Phật sự. Đây gọi là hạnh Như Lai, gọi là địa Như Lai, gọi là địa rốt ráo của Như Lai. Vì sao? Vì hạnh Như Lai, địa Như Lai, địa rốt ráo của Như Lai, ở trong vô lượng ức na-do-tha kiếp thọ giới Bồ-tát, tu hạnh Bồ-tát, Bồ-tát rốt ráo có thể dạy vô lượng vô

biên chúng sinh trụ nơi địa rớt ráo. Tất cả pháp Phật của Như Lai đều vì chúng sinh không vì tự mình, pháp của Thanh văn Duyên giác chỉ vì tự lợi, ít có lợi tha, cho nên hàng Nhị thừa không có pháp bất cộng. Pháp Phật vô thượng trọn không tương tợ như pháp của Thanh văn, Duyên giác, đại bi không sai lầm khi đoạn trừ tập khí. Nhất thiết trí, năm trí, Tam-muội, Như Lai đầy đủ tất cả pháp bất cộng, cho nên gọi là vô thượng. Kinh này diễn nói về giới Bồ-tát, quả của đạo Bồ-tát, giới Bồ-tát, hạnh của tất cả Bồ-tát, hành quả nơi giới của tất cả Bồ-tát, do đó gọi là địa Bồ-tát. Tạng Bồ-tát, luận Bồ-tát, thâu giữ tất cả kinh điển Đại thừa, kinh trí vô ngại. Nếu là trời hoặc người, hoặc Sa-môn, Bà-la-môn tin kinh điển này, hoặc thọ trì, nghe giảng, đọc tụng, biên chép, rộng nói, tu tập, phân biệt ý nghĩa, thấy người thọ trì liền cung kính cúng dường, tôn trọng tán thán, dùng hoa hương, đèn đuốc, kỹ nhạc mà cúng dường, phải biết người ấy thường được chư Phật mười phương hộ niệm, xưng nói danh tự, có được vô lượng nhóm công đức. Vì sao? Bồ-tát do nhân duyên giới mà chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, do thọ trì đọc tụng, biên chép, giải nói giới Bồ-tát, mà chánh pháp của Như Lai được ở đời lâu, không diệt, các Tỳ-khưu ác dần được tổn giảm. Nếu không có giới Bồ-tát, thì các Tỳ-khưu ác sẽ dần tăng mạnh, chánh pháp của Như Lai không bao lâu sẽ tàn diệt.

Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-ly bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Kinh này gọi là kinh gì? Phật dạy:

- Nay Tôn giả Ưu-ba-ly! Đây gọi là Thiện giới, gọi là Địa Bồ-tát, gọi là Tỳ-ni (Luật) Ma-di (Luận) của Bồ-tát, gọi là Như Lai tạng, gọi là căn bản của tất cả pháp thiện, gọi là nhân an lạc, gọi là các tụ Ba-la-mật.

Tôn giả Ưu-ba-ly nghe Phật giảng nói xong liền hoan hỷ lễ bái, đi nhiễu quanh Phật rồi cáo lui.

*

**